Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 3003.41.00

Mã HS	3003.41.00
Mô tả hàng hóa	Thuốc (trừ các mặt hàng thuộc nhóm 30.02, 30.05 hoặc 30.06) gồm từ hai hoặc nhiều thành phần trở lên đã pha trộn với nhau dùng cho phòng bệnh hoặc chữa bệnh, chưa được đóng gói theo liều lượng hoặc làm thành hình dạng nhất định hoặc đóng gói để bán lẻ / - Loại khác, chứa alkaloit hoặc các dẫn xuất của chúng: / - - Chứa ephedrine hoặc muối của nó
Đơn vị	kg/lít
Thời điểm tạo	04/11/2026 04:45:40
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/30034100/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K4562
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N4562
Thuế GTGT (VAT)	5/8/10	5 / 8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q4562
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VNCU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2023 - 2027	VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VN-EAEU	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E4483
ATIGA	2022	2022	0	AT!E4444
ATIGA	2023	2023	0	AT!F4444
ATIGA	2024	2024	0	AT!G4444
ATIGA	2025	2025	0	AT!H4444
ATIGA	2026	2026	0	AT!I4444
ATIGA	2027	2027	0	AT!J4444
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E4482
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F4482
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G4482
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H4482

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I4482
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J4482
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E4486
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F4486
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G4486
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H4486
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I4486
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J4486
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F4486
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H4450
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F4446
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G4446
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H4446
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I4446
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J4446
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K4446
VKFTA	2022	2022	0	VK!E4446
VKFTA	2023	2023	0	VK!F4446
VKFTA	2024	2024	0	VK!G4446
VKFTA	2025	2025	0	VK!H4446
VKFTA	2026	2026	0	VK!I4446
VKFTA	2027	2027	0	VK!J4446
VCFTA	2022	2022	0	VC!D4493
VCFTA	2023	2023	0	VC!E4493
VCFTA	2024	2024	0	VC!F4493
VCFTA	2025	2025	0	VC!G4493

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H4493
VCFTA	2027	2027	0	VC!I4493
VN-EAEU	2022	2022	*	EAV!D4490
VN-EAEU	2023	2023	*	EAV!E4490
VN-EAEU	2024	2024	*	EAV!F4490
VN-EAEU	2025	2025	*	EAV!G4490
VN-EAEU	2026	2026	*	EAV!H4490
VN-EAEU	2027	2027	*	EAV!I4490
VNCU	2022	2022	0	VNCU!D612
VNCU	2023 - 2027		0	VNCU!E612
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D4498
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E4498
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F4498
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G4498
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H4498
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I4498
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D4469
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E4469
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F4469
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G4469
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H4469
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I4469
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D4471
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E4471
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F4471
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G4471

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H4471
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I4471
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D4469
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E4469
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F4469
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G4469
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H4469
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I4469
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J4469
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D4490
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E4490
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F4490
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G4490
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H4490
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I4490
RCEP B	2022	2022	0	B!D4490
RCEP B	2023	2023	0	B!E4490
RCEP B	2024	2024	0	B!F4490
RCEP B	2025	2025	0	B!G4490
RCEP B	2026	2026	0	B!H4490
RCEP B	2027	2027	0	B!I4490
RCEP C	2022	2022	0	C!D4490
RCEP C	2023	2023	0	C!E4490
RCEP C	2024	2024	0	C!F4490
RCEP C	2025	2025	0	C!G4490
RCEP C	2026	2026	0	C!H4490

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I4490
RCEP D	2022	2022	0	D!D4490
RCEP D	2023	2023	0	D!E4490
RCEP D	2024	2024	0	D!F4490
RCEP D	2025	2025	0	D!G4490
RCEP D	2026	2026	0	D!H4490
RCEP D	2027	2027	0	D!I4490
RCEP E	2022	2022	0	E!D4493
RCEP E	2023	2023	0	E!E4493
RCEP E	2024	2024	0	E!F4493
RCEP E	2025	2025	0	E!G4493
RCEP E	2026	2026	0	E!H4493
RCEP E	2027	2027	0	E!I4493
RCEP F	2022	2022	0	F!D4490
RCEP F	2023	2023	0	F!E4490
RCEP F	2024	2024	0	F!F4490
RCEP F	2025	2025	0	F!G4490
RCEP F	2026	2026	0	F!H4490
RCEP F	2027	2027	0	F!I4490
VIFTA	2024	2024	0	VI!F4133
VIFTA	2025	2025	0	VI!G4133
VIFTA	2026	2026	0	VI!H4133
VIFTA	2027	2027	0	VI!I4133

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “5/8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 3003.41.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 3003.41.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N4562), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.